TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN GÒ VẤP** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2021/DS-ST
Ngày : 09-04-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Hà
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Thành Viên
2. Bà Võ Thị Mai

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Khánh, thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 04 năm 2021 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 385/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2021/QĐST-DS ngày 19 tháng 03 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Hoàng M, sinh năm 1963; địa chỉ: Thị trấn H, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Phùng Đức T, sinh năm 1963; địa chỉ: Đường T, Phường B, Quận G, TP. Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 07/9/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ông Lê Hoàng M trình bày:

Ngày 17/7/2017, ông M cho Ông Phùng Đức T vay số tiền 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng) với thời hạn là 6 tháng, lãi suất thỏa thuận 0.5%/tháng, có lập hợp đồng vay. Hàng tháng ông T trả tiền lãi cho ông là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Hết hạn 6 tháng do ông T chưa có khả năng trả nên ông M vẫn để cho ông T

vay tiếp và ông T vẫn trả lãi đều đặn đến đầu năm 2020 thì ngưng. Do ông T lẫn tránh, không thể liên lạc được nên ông M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả lại cho ông số tiền 110.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán. Qúa trình làm việc tại Tòa án, ông M rút lại yêu cầu tính tiền lãi, chỉ yêu cầu trả nợ gốc.

Bị đơn là Ông Phùng Đức T đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đến tòa tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T về yêu cầu khởi kiện của ông M và cũng không tiến hành hòa giải được.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qúa trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; được xem xét thẩm tra công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 110.000.000 đồng; đối với yêu cầu tính tiền lãi, do nguyên đơn rút yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu thanh toán tiền lãi theo đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Ngoài ra, bị đơn còn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng vay tiền; đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn cư trú tại quận Gò Vấp, căn cứ các Điều 30, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Theo nội dung hợp đồng vay tiền ký ngày 17/7/2017 giữa bên cho vay là Ông Lê Hoàng M với bên vay là Ông Phùng Đức T thể hiện ông M cho ông T vay số tiền 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng), với thời hạn 6 tháng kể từ khi ký hợp đồng vay và thỏa thuận mức lãi suất 0.5%/tháng. Hợp đồng có chữ ký xác nhận của bên vay và bên cho vay.

Ông M căn cứ hợp đồng vay tiền nêu trên để yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản tiền vay đã quá hạn thanh toán.

Phía bị đơn là Ông Phùng Đức T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa, không nộp cho Tòa án văn bản ghi nhận ý kiến của mình, không cung cấp chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu khởi của Ông Lê Hoàng M. Theo Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc". Như vậy, Ông Phùng Đức T đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ do Ông Lê Hoàng M xuất trình để xác định Ông Phùng Đức T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại hợp đồng vay tiền ký ngày 17/7/2017. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, xét chấp nhận.

Về tiền lãi theo hợp đồng, do ông M rút lại yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét và đình chỉ giải quyết yêu cầu tính tiền lãi của ông M.

[4] Xét, Ông Phùng Đức T vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong một thời gian dài, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải buộc ông T thực hiện nghĩa vụ thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở nên ghi nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ quy định của Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Ông Phùng Đức T phải chịu tiền án phí trên phần nghĩa vụ phải thực hiện đối với Ông Lê Hoàng M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc Ông Phùng Đức T phải trả cho Ông Lê Hoàng M số tiền 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng) theo hợp đồng vay tiền ký ngày 17/07/2017, trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi Ông Lê Hoàng M có đơn yêu cầu thi hành án, Ông Phùng Đức T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phùng Đức T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho Ông Lê Hoàng M số tiền 3.200.000đ (Ba triệu hai trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0026990 ngày 25/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- Lưu VP, Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Việt Hà